

Số: 28-03/BG/ĐH-26

BẢNG GIÁ ỐNG NHỰA HDPE

Áp dụng từ **16 giờ 00 phút ngày 20/07/2026** đến khi ban hành bảng giá mới

ỐNG HDPE DÙNG CHO HỆ THỐNG TƯỚI NÔNG NGHIỆP

STT	Cỡ ống	Đường kính ngoài (mm)	Đường kính trong (mm)	Độ dày (mm)	Áp suất DN (bar)	Giá trước thuế (đồng/mét)	Giá sau thuế (đồng/mét)
01	Ø27	27.1	23.4	1.9 + 0.2	12.0	12,800	13,824
02	Ø29	29.1	26.2	1.5 + 0.2	8.0	11,600	12,528
03	Ø29	29.1	25.5	1.9 + 0.2	11.0	13,900	15,012
04	Ø36	35.2	31.8	1.8 + 0.2	8.0	16,200	17,496
05	Ø42	46.3	42.0	2.3 + 0.3	8.0	26,000	28,080

ỐNG PVC DÙNG CHO NÔNG NGHIỆP

Sản phẩm được sản xuất theo tiêu chuẩn: TCCS 34-2024/ĐH

Ống đen làm cây đỡ béc phun

STT	Cỡ ống	Độ dày (mm)	Số mét/cây	Giá không nông đầu		Giá có nông đầu	
				Giá trước thuế (đồng/cây)	Giá sau thuế (đồng/cây)	Giá trước thuế (đồng/cây)	Giá sau thuế (đồng/cây)
01	Ø21	1.4	0.8	6,000	6,480	6,200	6,696
02	Ø21	1.4	1.0	7,400	7,992	7,500	8,100
03	Ø21	1.4	1.2	8,800	9,504	9,000	9,720
04	Ø21	1.4	1.5	11,000	11,880	11,000	11,880

Ống xám làm cây đỡ béc phun

01	Ø21	1.2	0.8	5,900	6,372	6,000	6,480
02	Ø21	1.2	1.0	7,300	7,884	7,400	7,992
03	Ø21	1.2	1.2	8,700	9,396	8,900	9,612
04	Ø21	1.2	1.5	10,800	11,664	10,900	11,772

Ghi chú:

- Chiều dài của ống có thể thay đổi theo nhu cầu của khách hàng.
- Rất mong nhận được sự quan tâm hỗ trợ của Quý khách Hàng.
- Dòng được bôi đậm là những sản phẩm giảm giá.

Ngày 20 tháng 07 năm 2026

CÔNG TY TNHH NHỰA ĐẠT HÒA



Nguyễn Thị Kim Hằng